

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-ST

Ngày: 14-8-2019

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản chung
và thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1932, địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quang T, địa chỉ: Số 135 N, Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền ngày 02-7-2018. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Huỳnh Văn C, địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2.2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn X, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2.3. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp T, xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Ông Trương Quang T, địa chỉ: Số 135 N, Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của bà B theo giấy ủy quyền ngày 25-3-2019. Có mặt.

3.2. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Ông Trương Quang T, địa chỉ: Số 135 N, Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ theo giấy ủy quyền ngày 25-3-2019. Có mặt.

3.3. Ông Huỳnh Văn C1, địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.4. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Thôn X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3.5. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3.6. Bà Tạ Thị Hồng T2. Vắng mặt.

3.7. Chị Huỳnh Thị Kiều T3. Vắng mặt.

3.8. Anh Huỳnh Tấn T4. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15-6-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của cụ P trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1987. Cụ và cụ S có 08 người con chung, gồm các ông, bà: Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B. Ngoài ra, cụ và cụ S không có con riêng, con nuôi nào khác.

Nguồn gốc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là thửa đất số 834), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 224242, số vào sổ cấp GCN: CH 06313 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P ngày 19-11-2014 và thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là thửa đất số 558), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815741, số vào sổ cấp GCN: CH 07740 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P ngày 25-01-2017 là do vợ chồng cụ tạo lập.

Hiện nay trên thửa đất số 834 có các tài sản, gồm: 01 ngôi nhà cấp 4A do vợ

chồng ông Huỳnh Văn C xây dựng; 01 ngôi nhà cấp 4A do ông Huỳnh Văn L xây dựng; 01 ngôi nhà cấp 4C do vợ chồng cụ P xây dựng; 01 gara ô tô do ông Huỳnh Văn C xây dựng và quản lý sử dụng. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Thừa đất số 558 hiện nay ông Huỳnh Văn T đang quản lý sử dụng để sản xuất nông nghiệp. Ngày 24-3-2017 cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc. Nay cụ Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung của cụ và cụ Huỳnh S đối với thửa đất số 834 (có diện tích đất theo đo đạc thực tế hiện nay là 599,5m²) và thửa đất số 558 (có diện tích đất theo đo đạc thực tế hiện nay là 661m²), cụ thể: Giao cho cụ quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 834, tương đương diện tích là 299,75m² và ½ thửa đất số 558, tương đương diện tích là 330,5m²;

- Chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh S để lại (gồm: ½ thửa đất số 834, tương đương diện tích là 299,75m² và ½ thửa đất số 558, tương đương diện tích là 330,5m²;) cho cụ và 08 người con của cụ và cụ S theo quy định của pháp luật. Cụ Nguyễn Thị P yêu cầu được nhận phần tài sản được chia bằng hiện vật. Trường hợp phân di sản là quyền sử dụng đất mà cụ được giao có nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu của người khác thì yêu cầu Tòa án buộc dỡ dọn, thu hoạch để giao quyền sử dụng đất cho cụ quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ông là con đẻ của cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S. Cha mẹ ông có 08 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày. Nguồn gốc thửa đất số 834 và thửa đất số 558 là của cha, mẹ ông tạo lập. Ngày 24-3-2017 cha của ông là cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc. Nay mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ S, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S để lại thì ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của cụ P. Ông yêu cầu được nhận di sản của cụ S bằng hiện vật và yêu cầu được chia phần đất có ngôi nhà cấp 4A mà ông đã xây dựng vào năm 2013. Đối với ngôi nhà cấp 4C mà cha mẹ ông xây dựng trên đất hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà này. Trường hợp phân di sản là quyền sử dụng đất mà ông được giao có nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu của người khác thì yêu cầu Tòa án buộc dỡ dọn, thu hoạch để giao quyền sử dụng đất cho ông quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2018, ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông là con đẻ của cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S. Cha mẹ ông có 08 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Nguồn gốc thửa đất số 834 và thửa đất số 558 là của cha, mẹ ông tạo lập. Ngày 24-3-2017 cha của ông là cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc. Nay mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ S, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S để lại thì ông không có tranh chấp gì, ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị P. Nếu Tòa án giải quyết chia di sản của cha ông để lại theo quy định của pháp luật thì ông yêu cầu được nhận di sản của cha ông bằng hiện vật.

Đối với ngôi nhà cấp 4C mà cha mẹ ông xây dựng trên đất thì ông không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này, ông đồng ý giao căn nhà này cho mẹ ông tiếp

tục quản lý sử dụng, nếu sau này mẹ ông chết sẽ sử dụng làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà là con đẻ của cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S. Cha mẹ bà có 08 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày. Nguồn gốc thửa đất số 834 và thửa đất số 558 là của cha, mẹ bà tạo lập. Ngày 24-3-2017 cha của bà là cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc. Nay mẹ của bà là cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ S, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S để lại thì bà đồng ý. Bà yêu cầu được nhận di sản của cụ S bằng hiện vật. Trường hợp phần di sản là quyền sử dụng đất mà bà được giao có nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu của người khác thì yêu cầu Tòa án buộc dỡ dỡ, thu hoạch để giao quyền sử dụng đất cho bà quản lý, sử dụng.

Đối với ngôi nhà cấp 4C mà cha mẹ bà xây dựng trên đất hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên bà không yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, cũng như về nguồn gốc thửa đất số 834 và thửa đất số 558. Nay mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ S, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S để lại thì ông đồng ý. Hiện nay ông không có chỗ ở ổn định, đang thuê nhà để ở nên yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ S bằng hiện vật. Nếu phần di sản bằng hiện vật mà ông được giao nhiều hơn phần di sản ông được hưởng thì ông đồng ý thôi lại giá trị phần di sản mà ông được giao nhiều hơn cho các đồng thừa kế khác. Trường hợp phần di sản là quyền sử dụng đất mà ông được giao có nhà cửa, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu của người khác thì yêu cầu Tòa án buộc dỡ dỡ, thu hoạch để giao quyền sử dụng đất cho ông quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-8-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông là con đẻ của cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S. Cha mẹ ông có 08 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Nguồn gốc thửa đất số 834 và thửa đất số 558 là của cha, mẹ ông tạo lập. Ngày 24-3-2017 cha của ông là cụ Huỳnh S chết. Trước khi chết cha của ông có để lại chúc thư, trong đó nêu rõ cha ông có những tài sản gì và chia đều tài sản cho vợ và các con. Hiện nay bản chính chúc thư này đang do ông Huỳnh Văn T giữ. Nay mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ S, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ S để lại thì ông không có tranh chấp gì, ông

thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị P. Do ông là con trai trưởng trong gia đình, là cháu đích tôn nên ông có nguyện vọng được nhận di sản của cha ông để lại bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng.

Đối với các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phân đất mà ông được nhận bằng hiện vật có nhà cửa, công trình xây dựng của người khác thì ông không đồng ý thôi lại giá trị tài sản nhà, công trình xây dựng, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-8-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của ông Huỳnh Văn H. Tuy nhiên, việc cha ông có để lại chúc thư hay không, nội dung chúc thư như thế nào thì ông không biết. Ông đồng ý chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị P đối với thửa đất số 834 và thửa đất số 558. Hiện nay ông chưa có chỗ ở ổn định nên ông yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cha ông để lại bằng hiện vật để làm nhà ở. Đối với tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phân đất mà ông được nhận bằng hiện vật có nhà cửa, công trình xây dựng của người khác thì ông không đồng ý thôi lại giá trị tài sản nhà, công trình xây dựng, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Huỳnh Văn C1, bà Tạ Thị Hồng T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3, anh Huỳnh Tấn T4 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; không tham gia phiên tòa.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 26, 35, 92, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29, khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 213, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị P về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Chia cho cụ Nguyễn Thị P được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, diện tích $599,5m^2$, tại tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 558, tờ bản đồ số 4, diện tích $661m^2$, tại tổ 15, phường N,

thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị P về việc chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh S để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, diện tích $599,5m^2$, tại tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 558, tờ bản đồ số 4, diện tích $661m^2$, tại tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho 09 người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ S, gồm: Cụ Nguyễn Thị P và các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B, mỗi người được nhận 218.837.986 đồng (tương đương giá trị của $30,5m^2$ đất ở, $2,75m^2$ đất trồng cây hàng năm khác và $36,7m^2$ đất trồng lúa).

Buộc ông Huỳnh Văn C phải tháo dỡ nhà tạm (ga ra xe, xà gồ sắt, mái lợp tôn) và nhà tạm (chuồng gà, trụ bê tông, đũa tre, mái lợp tôn) để trả lại đất cho cụ P và các đồng thừa kế khác được chia trên thửa đất 834, tờ bản đồ số 4, tại tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia và di sản thừa kế được nhận. Cụ Nguyễn Thị P đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản và đã chi phí xong nên các đương sự khác được hưởng di sản thừa kế phải hoàn trả lại cho cụ P phần chi phí mà mình phải chịu. Riêng cụ Nguyễn Thị P là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Cụ Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn C1, ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn H, bà Tạ Thị Hồng T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3, anh Huỳnh Tấn T4 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tranh chấp về chia tài sản chung:

[2.1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Thửa đất số

834 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 224242, số vào sổ cấp GCN: CH 06313 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P ngày 19-11-2014 và thửa đất số 558 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815741, số vào sổ cấp GCN: CH 07740 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P ngày 25-01-2017 là do vợ chồng cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P tạo lập và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 cụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận 02 thửa đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P. Do đó, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 834 và thửa đất số 558 là tài sản chung của cụ Huỳnh S và cụ Nguyễn Thị P nên cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 thửa đất nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.2] Do 02 thửa đất số 834 và 558 nêu trên là tài sản chung của cụ Huỳnh S và cụ Nguyễn Thị P, giữa cụ S và cụ P không có thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Vì vậy, cụ Nguyễn Thị P yêu cầu chia đôi tài sản chung của cụ và cụ S đối với 02 thửa đất nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.3] Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S, cụ Nguyễn Thị P thì thửa đất số 834 có diện tích là 600m²; thửa đất số 558 có diện tích là 669,4m². Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế ngày 12-10-2018 của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường Quảng Ngãi thể hiện: Thửa đất số 834 có diện tích thực tế hiện nay là 599,5m²; thửa đất số 558 có diện tích thực tế hiện nay là 661m². Xét hiện trạng các thửa đất và nhu cầu sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử giao cho cụ Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sử dụng:

- Lô đất được ký hiệu A2, diện tích 299,75m² (trong đó có 275m² đất ở và 24,75m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp nhà ông Huỳnh Văn L và diện tích đất còn lại của thửa đất số 834 (được ký hiệu A3), có số đo là 23,73m; phía Nam giáp diện tích đất còn lại của thửa đất số 834 (được ký hiệu A1), có số đo là 21,23m; phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 2,70m, 0,27m, 1,47m, 0,23m, 6,35m; phía Tây giáp thửa đất số 835 và 697, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 8,81m, 2,78m, 4,19m.

- Lô đất được ký hiệu B1, diện tích 330,5m², thuộc thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 535, có số đo lần lượt từ Tây sang Đông là 16,61m, 3,26m; phía Nam giáp phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 558, có số đo là 23,76m; phía Đông giáp đường cấp phối, có số đo 16,10m; phía Tây giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 3,39m, 4,20m, 4,07m, 3,53m.

[2.1.4] Đối với 299,75m² đất còn lại của thửa đất số 834 (gồm các lô đất được ký hiệu: A1, có diện tích 97,25m²; A3, có diện tích 99,1m²; A4, có diện tích 103,4m²) và 330,5m² đất còn lại của thửa đất số 558, được ký hiệu B2 là di sản thừa kế của cụ Huỳnh S.

[2.2] Đối với tranh chấp về thừa kế tài sản:

[2.2.1] Về quan hệ thừa kế:

Cụ Huỳnh S chết ngày 24-3-2017. Cụ S có vợ là cụ Nguyễn Thị P và có 08 người con chung với cụ P, gồm các ông, bà: Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B. Ngoài ra, cụ S không có con đẻ, con nuôi nào khác. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh S gồm có 09 người là: Cụ Nguyễn Thị P và các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B.

[2.2.2] Về xác định di sản thừa kế của cụ Huỳnh S:

Như đã nhận định tại mục [2.1.4] thì di sản thừa kế của cụ Huỳnh S để lại gồm có: Lô đất được ký hiệu A1, thuộc thửa đất số 834, có diện tích 97,25m² (trong đó có 90m² đất ở và 7,25m² đất trồng cây hàng năm khác); Lô đất được ký hiệu A3, thuộc thửa đất số 834, có diện tích 99,1m² (trong đó có 91,1m² đất ở và 8m² đất trồng cây hàng năm khác); Lô đất được ký hiệu A4, thuộc thửa đất số 834, có diện tích 103,4m² (trong đó có 93,9m² đất ở và 9,5m² đất trồng cây hàng năm khác); Lô đất được ký hiệu B2, thuộc thửa đất số 558, có diện tích 330,5m² đất trồng lúa.

[2.2.3] Về giá trị di sản thừa kế:

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0971/2018/VLAND-QNG ngày 25-10-2018 của Công ty Thẩm định giá Đất Việt chi nhánh tại Quảng Ngãi kết luận: Đơn giá quyền sử dụng đất ở đô thị là 6.673.000đồng/m²; đơn giá quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác là 3.336.500đồng/m²; đơn giá quyền sử dụng đất trồng lúa là 157.000đồng/m². Trong phần di sản thừa kế của cụ Huỳnh S có: 275m² đất ở; 24,75m² đất trồng cây hàng năm khác và 330,5m² đất trồng lúa. Do đó, giá trị phần di sản thừa kế của cụ Huỳnh S để lại là 1.969.541.875đồng, trong đó: Giá trị phần di sản đất ở là 275m² x 6.673.000đồng = 1.835.075.000đồng; Giá trị phần di sản đất trồng cây hàng năm khác là 24,75m² x 3.336.500đồng = 82.578.375đồng; Giá trị phần di sản đất trồng lúa là 330,5m² x 157.000đồng = 51.888.500đồng.

[2.2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-8-2018 ông Huỳnh Văn H cho rằng trước khi chết cụ S có để lại di chúc nhưng ông H không cung cấp được di chúc của cụ S, đồng thời, ông H cũng đồng ý chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị P. Cụ Nguyễn Thị P và các đương sự khác đều xác định cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc. Vì vậy, việc ông Huỳnh Văn H cho rằng cụ Huỳnh S có để lại di chúc là không có cơ sở chấp nhận.

Do cụ Huỳnh S chết không để lại di chúc nên phần di sản thừa kế của cụ S sẽ được chia đều cho 09 đồng thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ S theo quy định của pháp luật, mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỹ phần thừa kế, gồm: 30,56m² đất ở, có giá trị là 203.897.222đồng; 2,75m² đất trồng cây hàng năm khác, có giá trị là 9.175.357đồng; 36,72m² đất trồng lúa, có giá trị là 5.765.389đồng. Tổng giá trị mỗi kỹ phần thừa kế là 218.837.986đồng.

Hiện nay trên lô đất được ký hiệu A2 có 01 căn nhà cấp 04 do vợ chồng cụ

Nguyễn Thị P xây dựng nhưng các đương sự không có yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này; trên lô đất được ký hiệu A3 có 01 căn nhà cấp 4 do ông Huỳnh Văn L xây dựng, trên lô đất được ký hiệu A4 có 01 căn nhà cấp 4 do vợ chồng ông Huỳnh Văn C, bà Tạ Thị Hồng T2 xây dựng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế của cụ Huỳnh S đều yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ S bằng hiện vật. Tòa án đã triệu tập họp lệ các đồng thừa kế của cụ S tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều xác định hiện nay ông Huỳnh Văn Đ đang ở nhà thuê, chưa có chỗ ở ổn định, các đồng thừa kế khác của cụ S hiện nay đều đã có nhà ở. Do đó, xét nhu cầu về chỗ ở của các đương sự, hiện trạng của thửa đất đang tranh chấp và tài sản gắn liền trên đất, Hội đồng xét xử quyết định giao cho cụ Nguyễn Thị P và các ông, bà Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ được nhận di sản thừa kế của cụ Huỳnh S bằng hiện vật, cụ thể:

- Giao cho cụ Nguyễn Thị P được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu B2, diện tích 330,5m², thuộc thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 51.888.500đồng, có giới cận như sau: Phía Bắc giáp lô đất giao cho cụ P được ký hiệu B1, có số đo 23,76m; Phía Nam giáp mương thoát nước và thửa đất số 1157, có số đo lần lượt từ Tây sang Đông là 0,71m, 4,46m, 22,57m; Phía Đông giáp đường cấp phối, có số đo 11,95m; Phía Tây giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 6,62m, 7,20m.

- Giao cho ông Huỳnh Văn C được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A4, diện tích 103,4m² (trong đó có 93,9m² đất ở và 9,5m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 658.291.450đồng, có giới cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 752, có số đo là 22,39m; Phía Nam giáp lô đất giao cho ông Huỳnh Văn L được ký hiệu A3, có số đo là 23,06m; Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,55m; Phía Tây giáp thửa đất số 697, có số đo là 4,51m.

Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ bồi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Cụ Nguyễn Thị P là 166.949.486đồng; ông Huỳnh Văn H là 218.837.986đồng; ông Huỳnh Văn C1 là 53.665.992đồng.

- Giao cho ông Huỳnh Văn L được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A3, diện tích 99,1m² (trong đó có 91,1m² đất ở và 8m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 634.602.300đồng, có giới cận như sau: Phía Bắc giáp lô đất giao cho ông Huỳnh Văn C được ký hiệu A4, có số đo là 23,06m; Phía Nam giáp lô đất được giao cho cụ Nguyễn Thị P được ký hiệu A2, có số đo là 23,73m; Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,28m; Phía Tây giáp thửa đất số 697, có số đo là 4,25m.

Ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ bồi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Ông Huỳnh Văn C1 là 165.171.994đồng; bà Huỳnh Thị B là 218.837.986đồng; ông Huỳnh Văn T1 là 31.754.333đồng.

- Giao cho ông Huỳnh Văn Đ được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A1, diện tích 97,25m² (trong đó có 90m² đất ở và 7,25m² đất trồng cây hàng năm khác),

thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 624.759.625đồng, có giới cận như sau: Phía Bắc giáp lô đất giao cho cụ Nguyễn Thị P được ký hiệu A2, có số đo là 21,23m; Phía Nam giáp thửa đất số 841, có số đo là 19,27m; Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,81m; Phía Tây giáp thửa đất số 835, có số đo là 5,12m.

Ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ thôi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Ông Huỳnh Văn T là 218.837.986đồng; ông Huỳnh Văn T1 là 187.083.653đồng.

[2.3] Đối với căn nhà cấp 4C, diện tích 42m² và nhà tạm (mái hiên, lợp tôn Fibro xi măng, cột xà gồ ống thép, diện tích 33,5m²) gắn liền với lô đất được ký hiệu A2 là của cụ Huỳnh S và cụ Nguyễn Thị P xây dựng, hiện nay căn nhà cấp 4C và nhà tạm này đã hư hỏng, giá trị sử dụng còn lại không nhiều, các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Đối với nhà tạm (gara xe, trụ bê tông, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền tráng xi măng) có diện tích 41,1m² gắn liền với lô đất được ký hiệu A1, A2 và nhà tạm (chuồng gà, trụ bê tông, đà tre, mái lợp tôn Fibro xi măng) có diện tích 17,5m² gắn liền với lô đất được ký hiệu A2: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xác định các tài sản trên là của ông Huỳnh Văn C tự ý xây dựng, không được sự cho phép của cụ S và cụ P. Do đó, ông Huỳnh Văn C phải có nghĩa vụ tháo dỡ, thu dọn nhà tạm (gara xe, trụ bê tông, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền tráng xi măng) có diện tích 41,1m² và nhà tạm (chuồng gà, trụ bê tông, đà tre, mái lợp tôn Fibro xi măng) có diện tích 17,5m² trên các lô đất được ký hiệu A1 và A2 để giao lô đất được ký hiệu A1 cho ông Huỳnh Văn Đ và giao lô đất được ký hiệu A2 cho cụ Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

[2.5] Đối với tài sản trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi: Theo trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì hiện nay ông Huỳnh Văn T đang quản lý, sử dụng thửa đất số 558 nêu trên để trồng lúa. Do đó, ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ thu hoạch lúa, hoa màu có trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giao thửa đất nêu trên cho cụ Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

[3] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản 13.500.000đồng. Cụ Nguyễn Thị P phải chịu 7.500.000đồng; các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 750.000đồng.

Cụ Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản với số tiền là 13.500.000đồng và đã chi phí xong nên các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho cụ P 750.000đồng.

[4] Về án phí:

Cụ Nguyễn Thị P là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 10.941.899 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29, khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 207, 213, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 623, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị P về việc chia tài sản chung và thừa kế tài sản.

1. Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Thị P và cụ Huỳnh S gồm có: Thừa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 224242, số vào sổ cấp GCN: CH 06313 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S và cụ Nguyễn Thị P ngày 19-11-2014), có diện tích thực tế là 599,5m² và thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 815741, số vào sổ cấp GCN: CH 07740 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp cho cụ Huỳnh S và cụ Nguyễn Thị P ngày 25-01-2017), có diện tích thực tế là 661m².

Chia cho cụ Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và ½ thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

1.1. Giao cho cụ Nguyễn Thị P được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A2, diện tích 299,75m² (trong đó có 275m² đất ở và 24,75m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 1.917.653.375 đồng (một tỷ chín trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô được ký hiệu A3, có số đo là 23,73m;
- Phía Nam giáp lô đất được ký hiệu A1, có số đo là 21,23m;
- Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 2,70m, 0,27m, 1,47m, 0,23m, 6,35m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 835 và 697, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 8,81m, 2,78m, 4,19m.

1.2. Giao cho cụ Nguyễn Thị P được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu B1, diện tích 330,5m², thuộc thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 51.888.500đồng (năm mươi một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng), có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 535, có số đo lần lượt từ Tây sang Đông là 16,61m, 3,26m;
- Phía Nam giáp lô đất được ký hiệu B2, có số đo 23,76m;
- Phía Đông giáp đường cấp phối, có số đo 16,10m;
- Phía Tây giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 3,39m, 4,20m, 4,07m, 3,53m.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh S gồm có: Cụ Nguyễn Thị P và các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Huỳnh S gồm có:

- Lô đất được ký hiệu A1, diện tích 97,25m² (trong đó có 90m² đất ở và 7,25m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 624.759.625đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng);

- Lô đất được ký hiệu A3, diện tích 99,1m² (trong đó có 91,1m² đất ở và 8m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 634.602.300đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm lẻ hai nghìn ba trăm đồng);

- Lô đất được ký hiệu A4, diện tích 103,4m² (trong đó có 93,9m² đất ở và 9,5m² đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 658.291.450đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng);

- Lô đất được ký hiệu B2, diện tích 330,5m², thuộc thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 51.888.500đồng (năm mươi một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Huỳnh S là: 1.969.541.875đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

4. Chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh S cho 09 đồng thừa kế của cụ S, gồm: Cụ Nguyễn Thị P và các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B, mỗi người thừa kế được hưởng 01 kỹ phần thừa kế là: 30,56m² đất ở, có giá trị là 203.897.222đồng; 2,75m² đất trồng cây hàng năm khác, có giá trị là 9.175.357đồng; 36,72m² đất trồng lúa, có giá trị là 5.765.389đồng. Tổng giá trị mỗi kỹ phần thừa kế là 218.837.986đồng.

4.1. Giao cho cụ Nguyễn Thị P được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu B2, diện tích 330,5m², có giá trị là 51.888.500đồng (năm mươi một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng), thuộc thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô đất giao cho cụ P được ký hiệu B1, có số đo 23,76m;
- Phía Nam giáp mương thoát nước và thửa đất số 1157, có số đo lần lượt từ Tây sang Đông là 0,71m, 4,46m, 22,57m;
- Phía Đông giáp đường cấp phối, có số đo là 11,95m;
- Phía Tây giáp mương thoát nước, có số đo lần lượt từ Nam ra Bắc là 6,62m, 7,20m.

4.2. Giao cho ông Huỳnh Văn C được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A4, diện tích 103,4m², có giá trị là 658.291.450đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 752, có số đo là 22,39m;
- Phía Nam giáp lô đất giao cho ông Huỳnh Văn L được ký hiệu A3, có số đo là 23,06m;
- Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,55m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 697, có số đo là 4,51m.

Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thôi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Cụ Nguyễn Thị P là 166.949.486đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng); ông Huỳnh Văn H là 218.837.986đồng (hai trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng); ông Huỳnh Văn C1 là 53.665.992đồng (năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

4.3. Giao cho ông Huỳnh Văn L được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A3, diện tích 99,1m², có giá trị là 634.602.300đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm lẻ hai nghìn ba trăm đồng), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô đất giao cho ông Huỳnh Văn C được ký hiệu A4, có số đo là 23,06m;
- Phía Nam giáp lô đất giao cho cụ Nguyễn Thị P được ký hiệu A2, có số đo là 23,73m;
- Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,28m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 697, có số đo là 4,25m.

Ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ thôi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Ông Huỳnh Văn C1 là 165.171.994đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bảy mươi một nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng); bà Huỳnh Thị B là 218.837.986đồng (hai trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng); ông Huỳnh Văn T1 là 31.754.333đồng (ba mươi một triệu bảy

trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

4.4. Giao cho ông Huỳnh Văn Đ được quyền sử dụng lô đất được ký hiệu A1, diện tích 97,25m², có giá trị là 624.759.625đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp lô đất giao cho cụ Nguyễn Thị P được ký hiệu A2, có số đo là 21,23m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 841, có số đo là 19,27m;
- Phía Đông giáp mương thoát nước, có số đo là 4,81m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 835, có số đo là 5,12m.

Ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ thôi lại giá trị quyền sử dụng đất cho: Ông Huỳnh Văn T là 218.837.986đồng (hai trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng); ông Huỳnh Văn T1 là 187.083.653đồng (một trăm tám mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng).

5. Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ tháo dỡ, thu dọn nhà tạm (gara xe, trụ bê tông, xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền tráng xi măng) có diện tích 41,1m² và nhà tạm (chuồng gà, trụ bê tông, đà tre, mái lợp tôn Fibro xi măng) có diện tích 17,5m² trên lô đất được ký hiệu A1 và A2 để giao lô đất được ký hiệu A1 cho ông Huỳnh Văn Đ và giao lô đất được ký hiệu A2 cho cụ Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

6. Ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ thu hoạch lúa, hoa màu có trên thửa đất số 558 tờ bản đồ số 4, tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giao thửa đất trên cho cụ Nguyễn Thị P quản lý, sử dụng.

(Có bản đồ phân chia tài sản chung và di sản thừa kế kèm theo bản án này).

7. Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản 13.500.000đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ Nguyễn Thị P phải chịu 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cụ Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản với tổng số tiền là 13.500.000đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) và đã chi phí xong nên các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho cụ P 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về án phí:

Cụ Nguyễn Thị P là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn C1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị B mỗi người phải chịu 10.941.899 đồng (mười triệu chín trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

10. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

11. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong